

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày 22-11-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2019/TLST – DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1983 chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, Thới Bình, Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Diệp Thu M, sinh năm 1975 (vợ ông T, vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn T, Thới Bình, Cà Mau

2. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1963 (vắng mặt)

3. Bà Diệp Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Đ, bà N: Anh Đặng Hoàng E, sinh năm 1982 là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà N, văn bản ủy quyền ngày 12/11/2019 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã B, Thới Bình, Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-12-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 858/2013 ngày 27-12-2013 Quỹ tín dụng nhân dân T có cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 12-12-2014 hết hạn, lãi suất 1,2%/tháng, phương thức trả góp hàng tuần. Ông T thanh toán tiền vốn được 10.000.000 đồng, lãi được 1.400.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 90.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn đến ngày 12/12/2014 là 12.600.000 đồng.

Từ ngày hết hạn là 12-12-2014 đến ngày 22-11-2021, ông T thanh toán tiền vốn là 10.300.000 đồng, lãi trong hạn 8.980.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 79.700.000 đồng, số tiền lãi trong hạn còn nợ là 3.620.000 đồng.

Từ ngày hết hạn là 12-12-2014 đến ngày 22-11-2021 số tiền phát sinh thêm 127.463.200 đồng (quá hạn 2.537 ngày).

Tổng số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2021 ông T còn nợ là 210.783.200 đồng, trong đó: Vốn 79.700.000 đồng, lãi còn nợ 131.083.200 đồng.

Khoản vay trên vẫn sử dụng hợp đồng thế chấp tài sản số 131/13/HĐTC ngày 09/7/2013 là quyền sử dụng đất số Y556516 cấp ngày 18/12/2003 do ông Đ, bà N đứng tên để bảo đảm.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 131/13/HĐTC ngày 09/7/2013 bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số 478/2013 ngày 09/7/2013 giữa Quỹ tín dụng nhân dân T với ông T, số tiền vay là 100.000.000 đồng. Ngày 27/12/2013 ông T đã thanh toán xong khoản vay này. Cùng ngày này ông T vay lại khoản vay nói trên.

Do ông Đ, bà N không có thể lại quyền sử dụng đất số Y556516 cấp ngày 18/12/2003 để bảo đảm hợp đồng vay số 858/2013 ngày 27-12-2013 nên Quỹ tín dụng nhân dân T đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà N quản lý.

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu ông Lê Tấn Lại, bà Diệp Thu M thanh toán số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 22/11/2021 tổng cộng 210.783.200 đồng, trong đó: Vốn 79.700.000 đồng, lãi còn nợ 131.083.200 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký. Về yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 131/13/HĐTC ngày 09/7/2013 Quỹ tín dụng nhân dân T xin rút lại.

Ông Đặng Văn Đ, bà Diệp Thị N trình bày:

Ngày 24/02/2020 vợ chồng ông Đ có làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y556516 cấp ngày 18/12/2003 do ông bà đứng tên và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông và xóa đăng ký thế chấp nên vợ chồng ông tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu nói trên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho ông Lê Tấn T, bà Diệp Thu M nhưng họ không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc rút một phần yêu cầu là có cơ sở, buộc ông T, bà M có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho nguyên đơn. Ông Đ, bà N rút yêu cầu độc lập là tự nguyện nên đề nghị chấp nhận, về án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai, ông T, bà M vắng mặt không có lý do, ông Đ, bà N và người đại diện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Giao dịch vay tiền giữa Quỹ tín dụng nhân dân T với ông T là thực tế có xảy ra, quá trình vay ông T chỉ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T với tổng 20.300.000 đồng tiền vốn và 10.380.000 đồng tiền lãi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù, hợp đồng vay số 858/2013 ngày 27-12-2013 chỉ thể hiện ông T ký tên. Tuy nhiên, trong giấy đề nghị

vay vốn lập ngày 27/12/2013 thì bà M cùng ký tên. Mặc khác, mục đích vay vốn là bán nước giải khát, tạo thu nhập chung cho gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Buộc ông T, bà M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 22/11/2021 là 210.783.200 đồng, trong đó: Vốn 79.700.000 đồng, lãi còn nợ 131.083.200 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Quỹ tín dụng nhân dân T rút lại yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 131/13/HĐTC ngày 09/7/2013. Ông Đ, bà N rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập nói trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Quỹ tín dụng nhân dân T, ông Đ, bà N không phải chịu án phí, các đương sự đã nộp tạm ứng án phí nên được nhận lại. Ông T, bà M phải chịu án phí số tiền 10.539.000 đồng (mười triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Tấn T, bà Diệp Thu M, ông Đặng Văn Đ, bà Diệp Thị N, anh Đặng Hoàng E.

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T về việc yêu cầu ông Lê Tấn T, bà Diệp Thu M thanh toán nợ vay. Buộc ông T, bà M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền là 210.783.200 đồng, (hai trăm mười triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng, trong đó: Vốn 79.700.000 đồng, lãi còn nợ 131.083.200 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 131/13/HĐTC ngày 09/7/2013 của Quỹ tín dụng nhân dân T và yêu cầu độc lập của ông Đ, bà N yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y556516 cấp ngày 18/12/2003 do ông bà đứng tên và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Tấn T, bà Diệp Thu M phải chịu số tiền 10.539.000 đồng (mười triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng). Ngày 11/6/2019 Quỹ tín dụng nhân dân T nộp tạm ứng án phí số tiền 4.167.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006216 và ngày 25/02/2020 ông Đặng Văn Đ, bà Diệp Thị N nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011030 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình đều được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quỹ tín dụng nhân dân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Tấn T, bà Diệp Thu M, ông Đặng Văn Đ, bà Diệp Thị N, ông Đặng Hoàng E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn